

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| SỔ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG KH-UBND |  |
| Số: 1627                             |  |
| ĐẾN Ngày: 23/8/2019                  |  |
| Chuyên: B. Thị + V. ✓                |  |
| Lưu hồ sơ số: .....                  |  |

Hải Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2019

### KẾ HOẠCH

**Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội và giảm nghèo năm 2019**

P. TT-BCH B  
P. TC-KH

Thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Thông tư số 11/2019/TT - BLĐTBXH ngày 17/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội và giảm nghèo.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, năm 2019, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2019.

- Xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều năm 2019 để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội năm 2020.

- Xác định các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình để làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

### 2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ thôn, khu dân cư, bảo đảm chính xác, đúng quy trình, công khai, dân chủ, công bằng, có sự tham gia của các cấp, các ngành, người dân; chống bệnh thành tích, quan liêu; phản ánh đúng thực trạng của địa phương, đảm bảo tổng hợp báo cáo kết quả đúng tiến độ.

- Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp việc rà soát: bảo đảm tính chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, có sự tham gia của người dân.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Tiêu chí điều tra, rà soát**

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

#### **1.1. Các tiêu chí về thu nhập**

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập. Trên cơ sở phân tích kết quả thống kê và điều tra mức sống hộ gia đình, thực hiện quy đổi từ mức thu nhập bình quân đầu người trên tháng sang các mức điểm số tương ứng khi thực hiện rà soát và đánh giá tài sản, cụ thể:

- Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng tương đương 120 điểm ở khu vực nông thôn; 900.000 đồng/người/tháng tương đương 140 điểm ở khu vực thành thị;

- Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng tương đương 150 điểm; 1.300.000 đồng/người/tháng tương đương 175 điểm ở khu vực thành thị.

#### **1.2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản**

- Các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm (05 dịch vụ): y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

#### **1.3. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình áp dụng cho giai đoạn 2016-2020**

##### **a. Hộ nghèo**

+ Khu vực nông thôn: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

+ Khu vực thành thị: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

### **b. Hộ cận nghèo**

+ Khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

+ Khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

### **c. Hộ có mức sống trung bình**

Khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.950.000 đồng.

## **2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **2.1. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo**

- Phạm vi: Thực hiện ở cấp cơ sở, bao gồm các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), các thôn, khu dân cư (sau đây gọi là thôn) được thực hiện ngoài các cuộc điều tra xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm.

- Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình trên phạm vi toàn tỉnh; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc liên quan đến công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

### **2.2. Đối với hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

Là hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

## **3. Phương pháp**

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập (*trên cơ sở phân tích kết quả thống kê và điều tra mức sống hộ gia đình, thực hiện quy đổi từ mức thu nhập bình quân đầu người trên tháng sang các mức điểm số tương ứng khi thực hiện rà soát và đánh giá tài sản, cụ thể: 700.000 đồng tương đương 120 điểm; 900.000 đồng tương đương 140 điểm; 1.000.000 đồng tương đương 150 điểm; 1.300.000 đồng tương đương 175 điểm*) và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình tại Chương II và tại Phụ lục số 1a, 1b, 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 3a, 3b, 3c, 3d, 4 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối với hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: Thực hiện rà soát thông qua phương pháp nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình để tính điểm (*theo mẫu số 2 và số 3*)

**4. Thời điểm rà soát:** Từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019

#### **5. Kinh phí điều tra, rà soát**

- Ngân sách tỉnh đã được bố trí cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội (*có hợp đồng trách nhiệm với các huyện/thành phố riêng*);

- Cấp huyện, xã bố trí hỗ trợ thêm kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho công tác điều tra, rà soát hộ nghèo theo quy định và hỗ trợ kinh phí về xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội và giảm nghèo theo quy định tại Điều 13 thông tư số 11/2019/TT - LĐTBXH ngày 17/7/2019.

### **III. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT**

**1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 17/2016/TT - LĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016.

**2. Quy trình rà soát hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình:** Thực hiện theo Điều 3 Thông tư 02/2016/TT - LĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020.

#### **3. Tiến độ thực hiện việc rà soát**

- Từ ngày 01/9/2019 đến 20/9/2019 cấp huyện, xã xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; thành lập Ban chỉ đạo rà soát; tuyên truyền việc rà soát trên các phương tiện truyền thanh cấp tỉnh, huyện, xã; chỉ đạo việc điều tra, rà soát tới các điều tra viên là các trưởng thôn, khu dân cư; Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo, tập huấn nghiệp vụ rà soát cho các cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, trưởng thôn, khu dân cư

- Từ ngày 20/9/2019 đến 01/11/2019 chỉ đạo công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn toàn tỉnh;

- Từ ngày 02/11/2019 đến ngày 10/11/2019 cấp xã, cấp huyện tổng hợp báo cáo nhanh kết quả rà soát về Ban chỉ đạo rà soát cấp tỉnh;

- Từ ngày 11/11/2019 đến 30/11/2019 Ban chỉ đạo rà soát cấp xã, huyện hoàn thiện các biểu mẫu biểu báo cáo theo quy định; cấp huyện thẩm định kết quả rà soát, tổng hợp trình UBND huyện phê duyệt kết quả rà soát; báo cáo kết quả rà soát về UBND tỉnh (*Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp*).

- Từ 01/12/2019 đến ngày 15/12/2019 cấp huyện chỉ đạo cấp xã thu thập thông tin, đặc điểm hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Từ 16/12/2019 đến ngày 30/12/2019 nhập dữ liệu thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống dữ liệu quốc gia để quản lý, lập sổ quản lý và làm thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2019; lập danh sách cấp bảo hiểm y tế năm 2019 cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định.

#### **4. Phúc tra kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có ý kiến khiếu nại của người dân và kết quả rà soát chưa phản ánh đúng thực tế, Ban chỉ đạo (BCĐ) cấp trên tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở những địa phương cần thiết, thông báo công khai để nhân dân biết, trước khi UBND xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

#### **5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo**

Thu thập đặc điểm hộ nghèo, hộ cận nghèo (Phiếu C) do Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội cung cấp cho các địa phương nhằm cập nhật vào phần mềm quản lý trực tiếp hộ nghèo, hộ cận nghèo thống nhất trên phạm vi cả nước.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo rà soát; tổ giám sát cấp tỉnh; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình tại các huyện, thị xã, thành phố;

- Chủ trì tập huấn nghiệp vụ rà soát, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo;

- In ấn tài liệu hướng dẫn và biểu mẫu rà soát;

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Chỉ đạo UBND huyện, thành phố tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, người nghèo, người cận nghèo, hộ có đối tượng người hưởng chính sách trợ giúp xã hội vào phần mềm quản lý.

## **2. Cục Thống kê**

Phối hợp cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo; tổng hợp kết quả điều tra rà soát của các huyện, thành phố.

## **3. Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội cân đối nguồn kinh phí chi cho công tác rà soát, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách.

- Giám sát nội dung chi cho công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình của các huyện, thành phố

**4. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chủ trì, phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Hải Dương đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và người dân về tầm quan trọng và ý nghĩa của rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

**5. Các thành viên Ban chỉ đạo của tỉnh:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động tham mưu cho ngành chỉ đạo cơ sở tổ chức thực hiện, đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện rà soát ở địa phương được phân công.

**6. Đề nghị Đoàn đại biểu quốc hội của tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh** tăng cường giám sát của cơ quan dân cử đối với việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm

## **7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể**

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Tỉnh đoàn Hải Dương phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện tuyên truyền, vận động nhân dân và các hội viên tham gia thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

### **8. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Chỉ đạo các phòng chức năng, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch rà soát, thành lập Ban chỉ đạo rà soát cấp huyện, xã; cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn vào hệ thống dữ liệu quốc gia để quản lý.

- Chỉ đạo các xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội bảo đảm công khai, dân chủ có sự tham gia của các cấp, ngành, đoàn thể và người dân; chống bệnh thành tích, quan liêu, không phản ánh đúng thực trạng nghèo của địa phương, cơ sở;

- Tổ chức thẩm định kết quả rà soát của các xã; trường hợp thấy kết quả điều tra rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tổ chức phúc tra lại trước khi phê duyệt kết quả điều tra, rà soát;

- Phê duyệt danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hộ nghèo, cận nghèo mới trên địa bàn; thông báo cho UBND xã để công nhận và báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các xã cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo bằng vào hệ thống dữ liệu quốc gia và sở quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm.

### **9. Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trên cơ sở các thành viên thuộc Ban giảm nghèo cấp xã;

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên các phương tiện truyền thông; khuyến khích các hộ gia đình chủ động đăng ký tham gia;

- Xây dựng phương án kế hoạch, kinh phí, tổ chức lực lượng tham gia công tác rà soát trên địa bàn.

- Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp

có mức sống trung bình trên địa bàn sau khi có kết quả rà soát chính thức. Trên cơ sở kết quả rà soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và chỉ đạo tổ chức việc cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; báo cáo kết quả để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và có ý kiến thẩm định.

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm; theo dõi, cập nhật bổ sung thông tin đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý khi phát sinh những thay đổi.

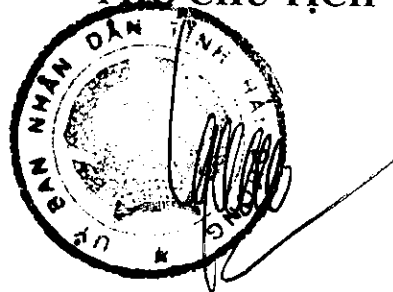
Lập danh sách quản lý các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội và giảm nghèo năm 2019; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các thành viên Ban chỉ đạo của tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, nghiêm túc tổ chức thực hiện, trong quá trình triển khai nếu có những vấn đề vướng mắc phát sinh, kịp thời tổ chức phúc tra lại kết quả, thông báo công khai để dân biết, nếu vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với Ban chỉ đạo cấp trên xem xét giải quyết theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- VP QGGN - Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VX, VT. Lai (55)✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lương Văn Cầu**